

Phụ lục 2A

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA
CÔNG TÁC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG**
(Đối với các trường mầm non)

Tiêu chuẩn: 100 điểm

Nội dung	Biểu điểm đánh giá			Ghi chú/ minh chứng
	Quy định	Tự đánh giá	Cấp có thẩm quyền	
1. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	15	15		
1.1 Xây dựng, ban hành quy định và thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho nhà giáo và CBQLCSGD; đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng trình độ chính trị, trình độ sau đại học chuyên ngành, QLGD cho đội ngũ nhà giáo.	5	5		Có xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho CB, GV, NV về trình độ chính trị, chuyên môn, sau đại học: 04 GV đang học ĐHSMPN; 01 QL đang học lớp cao học về QLGD; 03 GV học sơ cấp chính trị. 01 nhân viên học lớp Chuyên viên.
1.2 Xây dựng, ban hành và thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hàng năm; đánh giá chính xác kết quả bồi dưỡng thường xuyên hàng năm đối với CBQL và giáo viên.	5	5		Thực hiện kế hoạch BDTX hàng năm: 25/25 tỷ lệ 100% GV (biên chế) + 03 BGH tham gia lớp học và làm bài đầy đủ trên hệ thống. CBQL thường xuyên theo dõi, đôn đốc GV học tập đúng tiến độ. 100% CBQL, GV có kết quả Đạt.
1.3 Xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, BD CTGDPT 2018 hàng năm; đảm bảo đội ngũ nhà giáo và CBQLCSGD tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng ngắn hạn theo quy định hiện hành và theo kế hoạch chung của ngành.	5	5		Nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng ngắn hạn theo quy định hiện hành và theo kế hoạch chung của ngành: bồi dưỡng CDNN, 19 (02 BGH+ 17GV) tham gia lớp Steam; 04 QL+GV tham gia chương trình Chuyển đổi số dạy và học;
2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG	85	85		
2.1 Bồi dưỡng chính trị - pháp luật hè	10	10		
2.1.1 Chuyên cần	5	5		
Tham gia học 100%	5	5		Số lượng tham gia/tổng số 41/41
90 - 99%	4			

Nội dung	Biểu điểm đánh giá			Ghi chú/ minh chứng
	Quy định	Tự đánh giá	Cấp có thẩm quyền	
80 - 89%	3			
Dưới 80%	2			
2.1.2 Bài thu hoạch	5	5		Số bài Đạt/tổng số 41/41
Đạt yêu cầu 100%	5	5		100% CB, GV, NV tham gia làm bài thu hoạch Đạt 100%.
90 - 99%	4			
80 - 89%	3			
Dưới 80%	2			
2.2 Kết quả bồi dưỡng thường xuyên	20	20		Số lượng tham gia/tổng số 28/28 (03 BGH +25GV viên chức)
Tỉ lệ tham gia: 100%	20	20		28/28 (03 BGH +25GV viên chức)
Tỉ lệ tham gia: 90 - 99%	15			
Tỉ lệ tham gia: 80 - 89%	10			
Dưới 80%	5			
2.3 Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của CBQL, GV	55	55		
2.3.1 Văn bằng chuyên môn theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (bậc Mầm non Cao đẳng)	10	10		Số lượng đạt chuẩn/tổng số 34/34
99,1 - 100% đủ bằng chuyên môn đúng chức danh nghề nghiệp	10	10		34/34 trình độ CD, ĐH
90,1 - 99%	8			
80 - 90%	7			
Dưới 80%	5			
2.3.2 Chứng chỉ BD ngoại ngữ	10	10		Số lượng đạt chuẩn/tổng số 34/34 tỷ lệ 100%
100% đủ chứng chỉ Ngoại ngữ	10	10		34/34 tỷ lệ 100% có chứng chỉ ngoại ngữ
90 - 99%	8			
80 - 89%	7			
Dưới 80%	5			
2.3.3 Chứng chỉ BD Tin học	10	10		Số lượng đạt chuẩn/tổng số

Nội dung	Biểu điểm đánh giá			Ghi chú/ minh chứng
	Quy định	Tự đánh giá	Cấp có thẩm quyền	
				34/34 có chứng chỉ BD tin học
100% đủ chứng chỉ Tin học	10	10		34/34 tỷ lệ 100% có chứng chỉ BD tin học
90 - 99%	8			
80 - 89%	7			
Dưới 80%	5			
2.3.4 Bồi dưỡng chuyên môn <u>trên chuẩn</u> của CBQL, GV bậc Mầm non (Đại học)	5	5		Số lượng trên chuẩn/tổng số 30/34
Trên 72.2% trên chuẩn về chuyên môn	5	5		28/34 tỷ lệ 82.4% CBQL, GV trên chuẩn (Đại học)
Từ 50% đến 72.2%	4			
Dưới 50%	3			
2.3.5 Bồi dưỡng GVCN, TTCM, phòng cháy, nghiệp vụ bảo vệ, STEM, kỹ năng lãnh đạo-quản lý, QLNN chuyên viên đối với CBQL và GV	5	5		Số lượng tham gia/tổng số 26/47 CBQL, GV, NV
Trên 30 % BGH, GV, NV học BD khác	5	5		26/47 CBQL, GV, NV tỷ lệ 55.3%
20% - 30%	4			
Dưới 20%	3			
2.3.6 Đảm bảo đội ngũ nhà giáo và CBQLCSGD tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề hệ hàng năm theo kế hoạch chung của ngành và của địa phương.	10	10		
2.3.6.1 Ban giám hiệu	5	5		
Dự đủ 100% các buổi họp	5	5		Tham dự đầy đủ các buổi họp do cấp trên tổ chức và tại đơn vị.
90 - 99%	4			
80 - 89%	3			
Dưới 80%	2			
2.3.6.2 Giáo viên – Nhân viên	5	5		
Dự đủ 100% các buổi họp	5			
90 - 99%	4	5		47/47 tham dự các buổi họp do cấp

Nội dung	Biểu điểm đánh giá			Ghi chú/ minh chứng
	Quy định	Tự đánh giá	Cấp có thẩm quyền	
				trên tổ chức và tại đơn vị
80 - 89%	3			
Dưới 80%	2			
2.3.7 BÁO CÁO	5	5		
Báo cáo đủ và đúng hạn (Trễ 1 lần trừ 1 điểm)	5	5		Thực hiện các báo cáo đầy đủ và đúng thời gian qui định.
TỔNG CỘNG	100	100		



TRỊNH THỊ LAN